

Bản án số 217/2022/DS-PT

Ngày 26/9/2022

Về “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
chấm dứt hành vi cản trở thực hiện
quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi
thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm, ông Lê Tự

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 123/TBTL-TA ngày 27/7/2022 về “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2312/2022/QĐ-PT ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt) và bà Đàm Thị H, sinh năm 1970 (có mặt); nơi cư trú: Thôn L1, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Ngô Minh T, Văn phòng Luật sư số 1, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

Bị đơn: Tổng công ty Điện lực M; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Công D (Phó trưởng Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Pháp chế) Công ty Điện lực Phú Yên, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên, đề nghị xét xử vắng mặt;
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện* đề ngày 27/11/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Đàm Thị H trình bày: Năm 1998, Công ty Điện lực Phú Yên kéo đường dây điện qua nhà đất của ông L, bà H tại Thôn L1, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; ông L, bà H đã được UBND huyện S cấp *Giấy chứng nhận quyền*

sử dụng đất số phát hành G 008629 ngày 23/5/1996. Năm 2001, Công ty Điện lực Phú Yên xây dựng Trạm biến áp T.320 trên đất của Ông Bà mà không bồi thường bất kỳ khoản tiền nào và Ông Bà không nhận được bất cứ văn bản nào của các cơ quan chức năng về việc thu hồi đất giao cho Điện lực Phú Yên thực hiện dự án. Ngày 06/10/2015, Ông Bà gửi thông báo đến Điện lực Phú Yên yêu cầu chấm dứt hành vi chiếm hữu, sử dụng đất trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại, đề nghị tháo dỡ trạm biến áp, đường dây điện trên nhà đất nhưng không được chấp nhận nên Ông Bà khởi kiện ra Tòa án. Tính đến nay Công ty Điện lực Phú Yên đã di dời Trạm biến áp T320 đi nơi khác nhưng đường dây điện đi qua đất của Ông Bà chưa di dời, nên Ông Bà yêu cầu Công ty Điện lực Phú Yên di dời đường dây điện ra khỏi đất của Ông Bà.

Các hộ dân có đất lân cận với đất của Ông Bà được Công ty Viettel thuê đất diện tích khoảng 50m² với giá 1.500.000đ/tháng, phần đất nguyên đơn bị Công ty xâm phạm là 132m² nên Ông Bà yêu cầu Công ty Điện Lực Phú Yên thanh toán tiền thuê đất mỗi tháng là 4.000.000đ, thời hạn tính từ tháng 6/2001 đến khi xét xử sơ thẩm là 1.000.004.000đ.

- *Bị đơn là Tổng Công ty Điện lực M trình bày:* Công trình đường dây và trạm biến áp T320 thực hiện theo Quyết định số 2663/ QĐ-UB của UBND tỉnh Phú Yên, Quyết định 227/QĐ-UB ngày 19/01/2001 của UBND tỉnh Phú Yên về việc chuyển đổi mục đích và giao đất để xây dựng công trình. Công trình được UBND huyện S đầu tư năm 1999 sau đó bàn giao lại cho Công ty điện lực Phú Yên. Quá trình Công ty Điện lực Phú Yên thực hiện dự án, gia đình ông L cố ý cản trở thi công nên Công ty đã đề nghị cơ quan chức năng xử lý hành chính. Tại Công văn số 646/VP-UB ngày 24/9/2015, UBND huyện S đã trả lời vợ chồng ông L rằng đường dây và trạm biến áp đều nằm trên đất hành lang giao thông đường ĐT648. Do vợ chồng ông L vẫn tranh chấp nên Công ty Điện lực đã hợp đồng với Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp A di dời Trạm biến áp T320 và đường dây điện trung thế đến vị trí khác, nhưng đơn vị thi công báo về chỉ di dời được Trạm biến áp còn đường dây chưa di dời được vì muốn di dời đường dây phải trồng trụ đôi cặp sát trụ đơn hiện tại ở vị trí cũ, sau khi dời đường dây xong sẽ tháo trụ móng, nhưng gia đình ông L cản trở nên Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp A chưa hoàn thành công việc. Đối với việc vợ chồng ông L yêu cầu bồi thường thì Công ty không chấp nhận vì Công ty được Nhà nước giao đất để thực hiện Dự án, đất xây dựng nằm trong hành lang giao thông đường ĐT648.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh Phú Yên trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Theo tiêu chuẩn Việt Nam số 4054-1998 đã xác định nền đường ĐT650 (trước đây là đường ĐT648) phạm vi công trình đường bộ có chiều rộng tối thiểu là 9m (tức là chiều rộng mỗi bên tính từ tim đường là 9,0m/2 = 4,5m). Căn cứ Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ, UBND huyện S ban hành Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 18/9/1996 về việc phê duyệt phương án quy hoạch phân bổ, sử dụng đất từ năm 1995 đến năm 2015 của xã S xác định đất quy hoạch hành lang giao thông có khoảng cách là 10m tính từ mép đường ĐT650 trở ra mỗi bên đường không giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Phạm vi diện tích đất ở giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm cách mép đường ĐT650 trở ra mỗi bên đường là 10m, trong đó diện tích đất ở giao cho hộ ông Nguyễn Văn L sử dụng

tính từ mặt tiền thửa đất đến tim đường ĐT650 là 14,5m (10m + 4,5m), nên ngày 23/5/1996 UBND huyện S cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số phát hành G 008629 cho ông Nguyễn Văn L với diện tích 400m² đất mục đích sử dụng: T (đã trừ đất quy hoạch hành lang giao thông), thời hạn sử dụng: Lâu năm, địa chỉ thửa đất tại Thôn L1, xã S, huyện S, trên đất đã có nhà ở xây dựng từ năm 1995.

Quá trình triển khai thực hiện dự án và giải quyết khiếu nại của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Ngày 08/11/1999, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 2663/QĐ-UB thu hồi (chuyển đổi mục đích) và giao đất cho Điện lực Phú Yên để xây dựng Công trình: Đường dây 22KV và các Trạm biến áp 15(22)/0,4KV tại xã S, huyện S, diện tích thu hồi là 315m² (0,03 5ha) gồm 06m² đất ruộng 01 vụ, 178,5m² đất hoa màu và 130,5m² đất lâm nghiệp, trong đó đất của hộ ông Nguyễn Văn L, bà Đàm Thị H không bị ảnh hưởng. Năm 1999, Điện lực Phú Yên xây dựng Trạm biến áp T.320 cách tim đường ĐT650 là 08m và nằm ngoài phạm vi đất ở của hộ ông Nguyễn Văn L. Theo nội dung Quyết định số 2663/QĐ-UB ngày 08/11/1999 nêu trên đã xác định chiều rộng hành lang tuyến được giới hạn bởi hai mặt phẳng thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh có khoảng cách là 02m đối với loại dây trần có điện áp đến 22KV (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp). Tại Biên bản làm việc ngày 24/9/2010 với ông L đã xác định nhà cũ của ông L (xây dựng năm 1995) đã tháo dỡ cách đường dây điện ngoài cùng điểm gần nhất là 2,2m không vi phạm hành lang an toàn lưới điện. Tháng 7 năm 2009, ông L xây dựng nhà mới trên nền móng ngôi nhà cũ, nhưng xây dựng dịch lên 1,5m (móng dịch lên 01m, phần Sênô dịch lên 0,5m) về phía đường dây điện dẫn đến khoảng cách giữa ngôi nhà mới (Sênô) đến đường dây điện ngoài cùng điểm gần nhất là 0,7m. Tại Biên bản kiểm tra vào các ngày 10/9/2009 và 02/10/2009 của Chi nhánh điện S đã xác định hộ ông L đã và đang xây dựng nhà cách đường dây 22KV (dây trần AC70) 1,5m (tính từ móng nhà mới), vi phạm khoảng cách hành lang an toàn bảo vệ lưới điện cao áp (theo chiều thẳng đứng là 0,5m tính từ đường dây xuống Sênô) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp: “*b. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt phẳng thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh đối với điện áp đến 22KV (loại dây trần) là 02m*”. Ngày 06/01/2010, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực đối với ông L số tiền 7.500.000đ. Không đồng ý với Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của Chủ tịch UBND huyện S, ngày 22/8/2010 ông L có đơn khiếu nại, UBND huyện S thụ lý giao cơ quan chức năng thẩm tra, xác minh. Ngày 05/11/2010, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1416/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L, có nội dung: “*Giữ nguyên Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của UBND huyện S về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L, số tiền 7.500.000 đồng và buộc tự tháo dỡ phần công trình nhà ở xâm phạm vào hành lang an toàn lưới điện cao áp; bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn L*”. Không đồng ý với Quyết định số

1416/QĐ-UBND, ngày 30/12/2010 ông L có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh. Ngày 07/01/2011, UBND tỉnh Phú Yên có Công văn số 49/UBND-NC giao Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh. Trên cơ sở báo cáo tại Kết luận số 02/KL/STNMT ngày 14/02/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại của ông L, với lý do: Ngày 28/01/2011, vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Đàm Thị H có Giấy xin rút đơn khiếu nại.

Kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính: Theo UBND xã S cung cấp tại Biên bản làm việc ngày 04/10/2010 có nội dung: *“Trong các năm 1998, 1999, UBND xã không tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L về việc đòi bồi thường do thi công đường điện 22KV và 0,4KV Cấp điện xã S”*. Mặt khác, theo UBND huyện S cung cấp tại Văn bản số 827/UBND ngày 10/10/2018, có nội dung: *“Trạm biến áp T.320 được xây dựng năm 1999 nằm trong phạm vi đất công trình giao thông, cách tìm đường ĐT645 là 8,0m và không ảnh hưởng đến phạm vi đất ở của gia đình ông L. Khi thi công đường dây 22KV, các Trạm biến áp (năm 1999); đường dây hạ áp và Trạm biến áp Thôn L1, xã S (năm 2001), Công ty Điện lực Phú Yên đã lập dự toán đền bù thiệt hại nhưng không có tên vợ chồng ông Nguyễn Văn L và trong quá trình thi công đến khi hoàn thành vợ chồng ông L không đòi đền bù hay yêu cầu nào khác”*. Theo tờ bản đồ địa chính số 17 đo đạc năm 2013 thể hiện thửa đất số 75 diện tích 1.401,5m² đứng tên chủ sử dụng bà Đàm Thị H (vợ ông Nguyễn Văn L) gồm 400m² loại đất ở (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), 1.001,5m² loại đất vườn (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trong đó diện tích 275m² nằm trong hành lang an toàn giao thông, diện tích 726,5m² nằm ngoài hành lang giao thông.

Từ cơ sở nêu trên, cho thấy Trạm biến áp T.320, đường dây 22KV, đường dây hạ áp Thôn L1, xã S được xây dựng trên đất quy hoạch hành lang an toàn giao thông theo Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 18/9/1996 của UBND huyện S, không ảnh hưởng đến diện tích 400m² đất ở giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Đàm Thị H theo GCNQSDĐ số G 008629 cấp ngày 23/5/1996. Mặt khác từ khi thi công Trạm biến áp T.320, đường dây 22KV, đường dây hạ áp Thôn L1, xã S cho đến khi hoàn thành, vợ chồng ông L, bà H không đòi đền bù hay yêu cầu nào khác, nên việc vợ chồng ông L, bà H đề nghị bồi thường thiệt hại cho gia đình là không có cơ sở. Đối với diện tích đất quy hoạch hành lang giao thông theo Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 18/9/1996, UBND huyện S không giao cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng (trong đó có diện tích 275m² vợ chồng ông L, bà H đang sử dụng). Trong quá trình sử dụng đất ở, vợ chồng ông L bà H xây dựng lại nhà ở vi phạm khoảng cách hành lang an toàn bảo vệ lưới điện cao áp, đã bị UBND huyện S xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Vợ chồng ông L, bà H khiếu nại, được Chủ tịch UBND huyện S giải quyết khiếu nại lần đầu và tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại, vợ chồng ông L, bà H có Giấy xin rút đơn khiếu nại Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện S nên Chủ tịch UBND tỉnh đình chỉ giải quyết khiếu nại tại Quyết định 313/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 và vợ chồng ông L, bà H cũng không khởi kiện Quyết định hành chính tại Tòa án. Căn cứ quy định: Điểm a, Khoản 2, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015: *“Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau: a) 01 năm kể từ ngày nhận*

được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính...” thì việc khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Đàm Thị H đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng ngày 14/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh ra Thông báo số 63/2018/TB-TLVA về việc thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Đàm Thị H đề nghị giải quyết buộc chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất là không phù hợp, nên đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện S trình bày tại Công văn số 419/UBND-KTHT ngày 29/6/2016 và yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật như ý kiến trình bày của UBND tỉnh Phú Yên.

- **Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 23/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:**

Căn cứ vào Điều 584, 585, 597 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 168, 170, 171 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2015. Buộc Tổng công ty điện lực M phải di dời trạm biến áp T320 và mạng lưới điện đi qua quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L về vị trí khác để đảm bảo an toàn (Trạm biến áp T320 đã di dời xong).

[2] Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng sức khỏe và hạn chế quyền sử dụng đất là 1.000.004.000đồng; Vì không có căn cứ pháp luật.

[3] Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L phải chịu 4.000.000đồng; Đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Vợ chồng Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L phải chịu 42.120.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp 15.760.000đồng ở biên lai thu tiền số 0001286 ngày 11/12/2015 tại Chi cục Thi hành án thành phố Tuy Hòa, nên còn phải nộp 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2022, vợ chồng ông L kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.
- Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:
+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung vụ án có cơ sở, đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên

tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc thửa đất của ông L được UBND huyện S cấp theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số phát hành G008629 ngày 23/5/1996 diện tích 400m² mục đích T (đất ở), không xác định tứ cận, không có vị trí thửa đất. (Theo UBND huyện S: *vị trí đất của các hộ dân phải cách tim đường ít nhất 14,5m - căn cứ TCVN số 4054-1998 và Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982*). Theo đo đạc năm 2013 thể hiện thửa đất của bà Đàm Thị H (vợ ông L) có diện tích 1.041,5m² thuộc tờ bản đồ số 17, thửa đất số 75, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 400m² đất ở, còn lại 1.001,5m² đất vườn, trong đó có 275m² nằm trong hành lang an toàn giao thông. Vợ chồng ông L xác nhận đất của vợ chồng ông L có từ năm 1995, là sau năm 1982 nên phải chịu sự điều chỉnh của Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982, theo Điều 7 của ND 203 thì đất trong hành lang an toàn đường bộ là 10m (đường tỉnh) tính từ mép đường trở vào (*nếu cộng thêm phần đất theo TCVN 4054-1998 thì tính từ tim đường trở vào 14,5m là đất thuộc hành lang an toàn giao thông*). Như vậy, trạm T.320 cách tim đường 8m là nằm trong đất quy hoạch giao thông, nên việc UBND huyện S xây dựng trạm T.320 là đúng quy định. Trạm T.320 có cấp điện 22 Kv là điện áp trung thế, theo quy định tại Điều 11 ND 14/2014/ND-CP ngày 26/02/2014 thì khoảng cách từ dây ngoài cùng ở trạng thái tĩnh là 02m. Ban đầu xây dựng (năm 2001) các vị trí ngoài cùng của dây điện là 2,2m là đảm bảo an toàn, nhưng ông L xây dựng lại nhà năm 2009 (đã bị xử phạt hành chính) tiến về phía trước 1,5m dẫn đến vi phạm hành lang an toàn lưới điện là lỗi của vợ chồng ông L; do đó nếu có thiệt hại thì vợ chồng ông L tự gánh chịu.

[2] Năm 2017, Điện lực Phú Yên đã khảo sát, thực hiện việc di dời Trạm T.320 và đường dây ra khỏi khu vực đất nhà ông L (hiện tại), về kỹ thuật di dời đường dây điện, phải đặt trụ điện đôi cặp sát trụ điện đơn hiện tại, sau khi di dời xong sẽ tháo dỡ toàn bộ, nhưng vợ chồng ông L cản trở nên Điện lực Phú Yên phải dừng để chờ kết quả giải quyết của Tòa án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Điện lực Phú Yên trình bày mặc dù Trạm biến áp và đường dây xây dựng trên hành lang đường giao thông, nhưng Điện lực Phú Yên cũng sẽ di dời ngay đường dây sau khi Tòa án cấp phúc thẩm xét xử.

[3] Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của vợ chồng ông L về yêu cầu di dời trạm T320 (đã di dời xong) và đường dây điện đi qua quyền sử dụng đất của vợ chồng ông L; không chấp nhận yêu cầu về bồi thường do bị ảnh hưởng, hạn chế quyền sử dụng đất của vợ chồng ông L là có cơ sở, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vợ chồng ông L kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, cụ thể:

Căn cứ vào Điều 584, 585, 597 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 168, 170, 171 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2015, buộc Tổng công ty điện lực M phải di dời trạm biến áp T320 và mạng lưới điện đi qua quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L về vị trí khác để đảm bảo an toàn (Trạm biến áp T320 đã di dời xong).

[2] Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng sức khỏe và hạn chế quyền sử dụng đất là 1.000.004.000đồng vì không có căn cứ pháp luật.

[3] Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Vợ chồng bà Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L phải chịu 4.000.000đồng, đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Vợ chồng Đàm Thị H, ông Nguyễn Văn L phải chịu 42.120.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 15.760.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0001286 ngày 11/12/2015 tại Chi cục Thi hành án thành phố Tuy Hòa, nên còn phải nộp 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Đàm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0007307 ngày 15/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên thì vợ chồng ông L đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân